

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

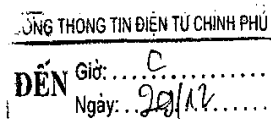
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2016/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 14 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương tỉnh Nam Định năm 2017
và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14, ngày 4 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 188/TTr-UBND, ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Nam Định năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Nam Định năm 2017”.

Điều 2. Nghị quyết này được áp dụng trong năm ngân sách 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định khoá XVIII, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Như Điều 3, Điều 4;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND TP Nam Định;
- HĐND, UBND các huyện;
- Báo Nam Định; Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ, Website tỉnh;
- Lưu: VT VP HĐND tỉnh. *7/2016*



Trần Văn Chung

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2017**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

I. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho các sở, ban, ngành, các đơn vị thuộc tỉnh:

1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể ở tỉnh:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm

Số biên chế	Định mức phân bổ năm 2017
- Từ 71 biên chế trở lên	26
- Từ 51 đến 70 biên chế	28
- Từ 31 đến 50 biên chế	30
- Dưới 31 biên chế	32

1.1. Định mức phân bổ nêu trên:

- Đã bao gồm: Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy cơ quan; chi nghiệp vụ hàng năm và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên; tăng lương định kỳ; kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; kinh phí trích lập quỹ thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính Phủ.

- Không bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương; chi thực hiện nhiệm vụ đột xuất; mua sắm tài sản cố định có số lượng lớn hoặc giá trị lớn, nâng cấp cơ sở vật chất quy mô lớn; kinh phí chi cho các nhiệm vụ này thực hiện theo quyết định cụ thể, các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư trung ương Đảng; kinh phí đảm bảo hoạt động cơ quan Đảng cấp tỉnh theo Quy định số 3115-QĐ/VPTW ngày 04/8/2009 của Văn phòng Trung ương Đảng; kinh phí để chi chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên của Tỉnh uỷ, các Đảng uỷ khối theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban chấp hành Trung ương; phụ cấp đối với cán bộ, công chức cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị xã hội theo hướng dẫn số 05-HD/BTCTW; phụ cấp trách nhiệm đối với báo cáo viên theo hướng dẫn số 06-HD/BTCTW-BTGTW; kinh phí chi phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp công vụ, thâm niên nghề, trang phục đối với Thanh tra, Kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y, kiểm soát đê điều và cán bộ kiểm tra

Đảng theo quy định; phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ hội cựu chiến binh; kinh phí cho dân quân tự vệ ở các cơ quan; chi tiếp dân, xử lý đơn thư tố cáo...

1.2. Đối với dự toán chi của Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban của Đảng, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các đoàn thể chính trị xã hội được tính theo định mức và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này.

1.3. Ngoài định mức trên, các cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Thanh tra tỉnh, Chi cục Quản lý thị trường, Chi cục Kiểm lâm và cán bộ làm công tác thanh tra của các sở, ban, ngành được bổ sung kinh phí chi phụ cấp ưu đãi nghề, thâm niên nghề và trang phục theo quy định.

2. Định mức phân bổ dự toán chi các sự nghiệp do tỉnh quản lý:

- Định mức phân bổ dự toán chi đối với các hoạt động sự nghiệp, ngoài chi lương và các khoản có tính chất lương, phân bổ dự toán chi ngân sách cho hoạt động của ngành, đơn vị đảm bảo không thấp hơn so với dự toán năm 2016; tăng chi cho các hoạt động, nhiệm vụ giao thêm, nhiệm vụ mới, biên chế tăng thêm và tăng bình quân chung theo khả năng ngân sách năm 2017.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Mức kinh phí ngân sách cấp để chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị sự nghiệp trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phân đầu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu phí và các nguồn thu khác của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước.

- Đối với chi sự nghiệp giáo dục: Đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 82%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 18% (chưa kể nguồn thu học phí). Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; từng năm trong thời kỳ ổn định Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ quyết định phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương.

Bố trí kinh phí sự nghiệp giáo dục để thực hiện các đề án phát triển giáo dục của tỉnh; đối ứng chương trình mục tiêu theo quy định trung ương; chi thường thi đua toàn ngành theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính Phủ; kinh phí tăng cường cơ sở vật chất các trường học...

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành có trách nhiệm công khai, minh bạch mức kinh phí cấp cho đơn vị trực thuộc.

II. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho các huyện, thành phố:

1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính:

1.1. Chi quản lý hành chính cấp huyện:

Định mức phân bổ dự toán ngân sách chi quản lý hành chính bao gồm: Quản lý nhà nước, kinh phí Đảng, đoàn thể ở cấp huyện là: 32 triệu đồng/biên chế/năm;

a) Định mức phân bổ nêu trên:

- Đã bao gồm: Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy của cơ quan; chi nghiệp vụ hàng năm và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên; tăng lương định kỳ; kinh phí trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính Phủ.

- Không bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương; chi thực hiện nhiệm vụ đột xuất; mua sắm tài sản cố định có số lượng lớn hoặc giá trị lớn, nâng cấp cơ sở vật chất quy mô lớn; kinh phí chi cho các nhiệm vụ này thực hiện theo quyết định cụ thể, các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phân bổ chi quản lý hành chính cho ngân sách các huyện, thành phố theo tiêu chí dân số là: 15.000 đồng/người dân/năm để đảm bảo kinh phí chi hoạt động của huyện ủy, thành ủy theo Quy định 788-QĐ/TU ngày 05/11/2009 của Thường vụ Tỉnh ủy; kinh phí chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư trung ương Đảng; kinh phí để chi chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban chấp hành Trung ương và các chế độ đặc thù đối với các cơ quan: Huyện ủy, Thành ủy, HĐND huyện, thành phố, UBND huyện, thành phố; chi phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân và hoạt động của Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố; phụ cấp báo cáo viên theo hướng dẫn số 06-HD/BTCTW-BTGTW; hỗ trợ cộng tác viên dư luận xã hội theo hướng dẫn số 167-HD/BTGTW ngày 26/12/2015 của Ban tuyên Giáo Trung ương; trang phục cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra; hỗ trợ sinh hoạt phí đối với Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014...

1.2. Chi quản lý hành chính ở cấp xã:

a) Định mức phân bổ dự toán ngân sách chi quản lý hành chính bao gồm: Quản lý nhà nước, Hội đồng nhân dân, kinh phí Đảng, đoàn thể chính trị xã hội cấp xã (chưa bao gồm cán bộ không chuyên trách) tính bình quân: 1.850 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

+ Tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương của cán bộ và công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ; Kinh phí chi hoạt động công tác Đảng của tổ

chức Đảng theo Quyết định số 99- QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư trung ương Đảng; kinh phí để chi chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban chấp hành Trung ương; chi phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân và hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn; chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm, sửa chữa thường xuyên;

+ Kinh phí cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân các xã, phường, thị trấn theo Thông tư liên tịch số 40/2006/TTLT-BTC-UBTWMTTQVN-TLĐLĐ ngày 12/5/2006 của Bộ Tài chính, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Kinh phí đảm bảo cho chi hoạt động thường xuyên của quản lý hành chính cấp xã.

- Định mức trên không bao gồm các nhiệm vụ chi mua sắm tài sản cố định có số lượng lớn hoặc có giá trị lớn, nâng cấp cơ sở vật chất quy mô lớn.

b) Ngoài định mức trên, tính bổ sung kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp, mua thẻ BHYT (4,5%) cho cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, xóm, tổ dân phố theo định mức quy định tại Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ngày 30/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh và kinh phí trích nộp Bảo hiểm xã hội cho cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Bố trí đủ 100% kinh phí chi phụ cấp cho cán bộ là Thường trực Mặt trận Tổ quốc, Ban thường vụ các đoàn thể chính trị cấp xã (phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh, đoàn thanh niên); trưởng ban công tác mặt trận, bí thư chi đoàn, chi hội trưởng: hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội nông dân ở thôn (xóm), tổ dân phố theo Nghị quyết số 108/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008; Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 08/12/2011 và Nghị quyết 14/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục:

2.1 Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục cấp huyện:

a) Đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 82%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 18% (chưa kể nguồn thu học phí). Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; từng năm trong thời kỳ ổn định Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ quyết định phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương.

b) Bố trí kinh phí chi sự nghiệp giáo dục cho cấp huyện, thành phố để chi khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính Phủ; tăng lương định kỳ của giáo viên các cấp học; kinh phí mua sách pháp luật, đưa tin học vào nhà trường, sửa chữa thường xuyên... cho các trường công lập theo mức bình quân: 20 triệu đồng/trường mầm non; 30 triệu đồng/trường tiểu học; 40 triệu đồng/trường trung học cơ sở.

2.2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục cho ngân sách xã, phường, thị trấn theo mức bình quân 70 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

3. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

3.1. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề cấp huyện:

a) Định mức phân bổ đối với các huyện, thành phố theo dân số (không kể dân số từ 1 đến 18 tuổi): 13.000 đồng/người dân/năm.

Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo bao gồm: trung tâm chính trị, hỗ trợ đào tạo cán bộ theo chế độ quy định,...

b) Ngoài định mức trên đối với Trung tâm dạy nghề được bổ sung kinh phí cho hoạt động của Trung tâm theo biên chế được giao.

3.2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo ngân sách cấp xã bình quân 20 triệu đồng/xã/năm.

4. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ cho ngân sách cấp huyện theo tiêu chí dân số là 1.800 đồng/người dân/năm.

5. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế:

5.1. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế cấp huyện theo tiêu chí dân số: 3.000 đồng/người dân/năm.

5.2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế cấp xã bình quân 30 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

Định mức trên đã bao gồm chi phụ cấp ủy viên chăm sóc sức khỏe các huyện, thành phố; hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các trạm y tế cấp xã để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân.

6. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

6.1. Định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo xã hội cấp huyện

a) Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đảm bảo xã hội cấp huyện theo tiêu chí dân số: 12.000 đồng/người dân/năm để chi cho các nhiệm vụ đảm bảo xã hội, cứu trợ không thường xuyên; hỗ trợ thù lao cho cá nhân trực tiếp chi trả chế độ, chính sách trợ giúp xã hội; kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi; kinh phí trợ cấp khi thôi làm công tác đối với Cựu chiến binh theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính, hỗ trợ người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng thuộc diện miễn giảm mức đóng góp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 8/10/2014; công tác xã hội khác trên địa bàn cấp huyện.

b) Ngoài định mức phân bổ theo tiêu chí dân số nêu trên, chi đảm bảo xã hội được tính bổ sung kinh phí theo chế độ quy định cho các nhiệm vụ sau:

- Kinh phí chi trợ giúp thường xuyên, mai táng phí cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kinh phí chi mai táng phí đối với Cựu chiến binh theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ; đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 8/11/2005

và đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế Campuchia, giúp bạn Lào theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí để chi thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công giúp đỡ cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) vào ngày lễ, ngày Tết theo mức bình quân 300.000 đồng/gia đình/năm.

- Kinh phí đảm bảo cho Trung tâm bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội của huyện.

6.2. Định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo xã hội cấp xã bình quân 50 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm để chi các nhiệm vụ đảm bảo xã hội trên địa bàn do cấp xã đảm nhận, chi mai táng phí cho cán bộ xã nghỉ việc...

Ngoài định mức trên, tính kinh phí để thực hiện chi phụ cấp hàng tháng và mua BHYT đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

7. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp văn hoá thông tin:

7.1. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp văn hoá thông tin đối với ngân sách huyện, thành phố theo tiêu chí dân số:

- Đối với thành phố Nam Định: 7.500 đồng/người dân/năm,

- Đối với các huyện: 4.900 đồng/người dân/năm.

Định mức phân bổ trên đã bao gồm kinh phí cho đội thông tin lưu động.

7.2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp văn hoá thông tin đối với ngân sách cấp xã bình quân 35 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

Ngoài định mức trên bổ sung kinh phí để thực hiện phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư; mỗi thôn, xóm, tổ dân phố (cụm văn hoá dân cư): 5 triệu đồng.

8. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh:

8.1. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh cấp huyện theo tiêu chí dân số là 5.350 đồng/người dân/năm.

Ngoài định mức trên các huyện có trạm phát lại sóng truyền thanh được tính bổ sung 100 triệu đồng/huyện/năm để chi xây dựng chương trình và sửa chữa thiết bị.

8.2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh cấp xã bình quân 15 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

Ngoài định mức trên, tính kinh phí chi trả phụ cấp, mua thẻ BHYT cho cán bộ Đài phát thanh xã theo mức quy định tại Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và kinh phí trích nộp Bảo hiểm xã hội.

9. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao:

9.1. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao đối với ngân sách cấp huyện theo tiêu chí dân số: Đối với thành phố Nam Định: 2.700 đồng/người dân/năm; Đối với các huyện: 1.750 đồng/người dân/năm.

9.2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao đối với ngân sách cấp xã bình quân 10 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

10. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp kiến thiết kinh tế:

10.1. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp kiến thiết kinh tế đối với ngân sách cấp huyện.

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Tên sự nghiệp	Định mức phân bổ
Sự nghiệp nông lâm thủy lợi	6.000
Sự nghiệp giao thông	6.000
Sự nghiệp kiến thiết thị chính	20.000
Sự nghiệp kinh tế khác:	
- Đối với thành phố Nam Định	10.700
- Đối với các huyện	6.500

Đối với sự nghiệp nông lâm thủy lợi tính theo dân số (Riêng thành phố Nam Định tính theo dân số nông thôn); sự nghiệp kiến thiết thị chính phân bổ theo dân số đô thị.

b) Ngoài định mức trên, tính bổ sung cho các nhiệm vụ sau:

- Kinh phí phòng chống bão lụt cho 3 huyện giáp biển là Hải Hậu, Giao Thủy và Nghĩa Hưng.

- Kinh phí thị chính để sửa chữa và trả tiền điện thấp sáng đối với các huyện có đường Quốc lộ 10 và Quốc lộ 21 đi qua.

- Kinh phí hoạt động cho Ban an toàn giao thông các huyện, thành phố;

- Kinh phí cảnh giới tại các điểm giao cắt đường bộ và đường sắt đối với các huyện, thành phố có đường bộ đường sắt đi qua.

- Kinh phí chi sự nghiệp thị chính của thành phố Nam Định để bảo vệ công viên, chăm sóc cây xanh, tu sửa hè công, quản lý nghĩa trang.

10.2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp kiến thiết kinh tế đối với ngân sách cấp xã:

- Sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi bình quân 105 triệu đồng/xã, thị trấn/năm. Trong đó đã bố trí kinh phí hoạt động của Ban nông nghiệp

Đối với phường là 30 triệu đồng/phường/năm.

- Sự nghiệp giao thông bình quân 70 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.

- Sự nghiệp thị chính bình quân 100 triệu đồng/thị trấn/năm (riêng thị trấn Quất Lâm là: 200 triệu đồng, thị trấn Thịnh Long bổ sung kinh phí đô thị loại IV).

- Sự nghiệp kinh tế khác bình quân 10 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

11. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp hoạt động môi trường:

11.1. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp hoạt động môi trường cấp huyện:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 3.000 đồng/người dân/năm;

b) Định mức phân bổ theo giá trị sản xuất công nghiệp được tính bình quân là 250 đồng/1 triệu đồng giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010).

b) Ngoài định mức phân bổ trên, thành phố Nam Định được bổ sung kinh phí để chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, quản lý chất thải... của đô thị Trung tâm vùng.

11.2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp hoạt động môi trường cấp xã, bình quân mỗi xã 75 triệu đồng/năm; phường, thị trấn 120 triệu đồng/năm.

Riêng khu du lịch Quất Lâm, Thịnh Long phân bổ thêm mỗi đơn vị 170 triệu đồng/năm.

12. Định mức phân bổ dự toán chi quốc phòng:

12.1. Định mức phân bổ dự toán chi quốc phòng cấp huyện:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 1.700 đồng/người dân/năm.

b) Bổ sung cho các huyện ven biển để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng là 150 triệu đồng/huyện.

Định mức trên bao gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng do ngân sách cấp huyện đảm nhận như: chi thực hiện nhiệm vụ xây dựng và lực lượng dự bị động viên; thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân...

12.2. Định mức phân bổ dự toán chi quốc phòng cấp xã bình quân 40 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

Ngoài định mức trên, bổ sung kinh phí để chi trả phụ cấp cho các đối tượng theo Luật dân quân tự vệ và Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ.

13. Định mức phân bổ dự toán chi an ninh:

13.1. Định mức phân bổ dự toán chi an ninh cấp huyện:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

+ Đối với thành phố Nam Định: 1.000 đồng/người dân/năm.

+ Đối với các huyện: 750 đồng/người dân/năm.

b) Bổ sung cho các huyện ven biển, huyện có tỷ lệ đồng bào công giáo trên 20% là 100 triệu đồng/huyện/năm.

13.2. Định mức phân bổ dự toán chi an ninh cấp xã bình quân 50 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

Ngoài định mức trên, bổ sung kinh phí chi phụ cấp, mua thẻ BHYT cho công an thường trực, bảo vệ dân phố theo định mức quy định tại Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND và Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; kinh phí trích nộp Bảo hiểm xã hội cho cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn theo Luật BHXH 2014.

14. Đối với những địa phương có dân số thấp:

Đối với các huyện có dân số dưới 100 nghìn được phân bổ thêm 30% và những huyện có dân số từ 100 - 150 nghìn dân được phân bổ thêm 10% số chi tính theo định mức dân số nêu trên.

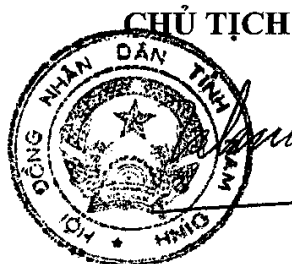
15. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên khác:

15.1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên khác ngân sách cấp huyện phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,2%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định ở trên (từ mục 1 đến mục 14).

15.2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã bình quân 10 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

16. Dự phòng ngân sách:

Mức dự phòng cho ngân sách cấp huyện, cấp xã là 2% so với tổng chi cân đối ngân sách. *7005*



Trần Văn Chung